

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17 tháng 6 năm 2026
của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển
kinh tế - xã hội trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17/6/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới (sau đây viết tắt là *Kết luận số 51-KL/TW*); ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại Công văn số 1509-CV/TU ngày 25/6/2026 và Thường trực Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2715-CV/ĐU ngày 25/6/2026; theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 184/TTr-SKHCHN ngày 19/7/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17/6/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên (sau đây viết tắt là *Kế hoạch*), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Quán triệt sâu sắc, đầy đủ và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 51-KL/TW; tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động, chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy kiến tạo phát triển, coi sở hữu trí tuệ là nguồn lực nội sinh, tài sản chiến lược và động lực trực tiếp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và phát triển nhanh, bền vững.

b) Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương thành các nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình thực hiện thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện, tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh; gắn phát triển sở hữu trí tuệ với các ngành, lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, giá trị văn hóa, tri thức truyền thống và các kết quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo có tiềm năng thương mại hóa.

c) Xác định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm và sản phẩm đầu ra của từng cơ quan, đơn vị, địa phương; thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ, thông suốt trong tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa, bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ; qua đó nâng cao giá trị tài sản trí tuệ, uy tín thương hiệu, chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh và vị thế cạnh tranh của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Bám sát, cụ thể hóa đầy đủ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 51-KL/TW và Kế hoạch hành động của Chính phủ; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, kế thừa và tích hợp hiệu quả với Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 cùng các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; không trùng lặp nhiệm vụ, đối tượng, nguồn lực và cơ chế báo cáo.

b) Mỗi nhiệm vụ phải bảo đảm “rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền và trách nhiệm, rõ quy trình, rõ thời gian, rõ sản phẩm”; xác định một cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chính, các cơ quan phối hợp, lộ trình thực hiện, sản phẩm đầu ra và chỉ tiêu đánh giá cụ thể, đo lường được.

c) Tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu, nhu cầu thực tiễn và mức độ rủi ro; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội, năng lực tạo lập, quản trị, khai thác, thương mại hóa và tự bảo vệ tài sản trí tuệ, cùng mức độ chuyển biến trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm làm thước đo chủ yếu; gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

d) Bảo đảm triển khai toàn diện, cân bằng và phối hợp đồng bộ giữa quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng; gắn sở hữu trí tuệ với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, thương mại điện tử, công nghiệp văn hóa, bảo vệ dữ liệu, bí mật kinh doanh, công nghệ lõi và an ninh công nghệ.

đ) Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, nguồn lực xã hội và các nguồn lực hợp pháp khác; bảo đảm đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, có trọng tâm, không trùng lặp chính sách; không làm phát sinh thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ và nghĩa vụ bất hợp lý đối với tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Hình thành hệ sinh thái sở hữu trí tuệ của tỉnh đồng bộ, hiện đại, số hóa, liên thông và hội nhập quốc tế, bao quát đầy đủ quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng; bảo đảm tài sản trí tuệ được nhận diện, tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa, bảo vệ và thực thi quyền hiệu quả.

b) Đưa sở hữu trí tuệ thực sự trở thành tài sản chiến lược, nguồn lực trực tiếp cho tăng trưởng và công cụ nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, sản phẩm và nền kinh tế tỉnh; thúc đẩy phát triển thị trường tài sản trí tuệ; xây dựng văn hóa tôn trọng sáng tạo, khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp; tạo lập môi trường đổi mới sáng tạo, đầu tư, sản xuất, kinh doanh minh bạch, lành mạnh, cạnh tranh và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Phân đầu đưa tỉnh Thái Nguyên thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước về năng lực sáng tạo, bảo hộ, quản trị, khai thác và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

b) Quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh gia tăng cả về số lượng, chất lượng và khả năng ứng dụng, góp phần cải thiện rõ rệt các chỉ số về sở hữu trí tuệ trong Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). Giai đoạn 2026 - 2030, số lượng đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tăng tối thiểu 20%; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng tối thiểu 10% so với giai đoạn 2021 - 2025.

c) Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng quyền sở hữu trí tuệ; gia tăng đáng kể số lượng ngành, lĩnh vực, sản phẩm và dịch vụ có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao:

- Tỷ lệ sáng chế, giải pháp hữu ích được thương mại hóa đạt tối thiểu 10% số sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ; có ít nhất 01 giống cây trồng được khai thác quyền ở nước ngoài; số lượng tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả công cụ sở hữu trí tuệ trong sản xuất, kinh doanh tăng rõ rệt.

- Phát triển một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; gia tăng đáng kể đóng góp của các ngành này vào tăng trưởng GRDP của tỉnh.

- Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian và tài sản sáng tạo của cộng đồng được bảo hộ, quản trị và khai thác hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan; từng bước nâng cao tỷ trọng đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GRDP của tỉnh, phù hợp với chiến lược, chương trình, kế hoạch và chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thúc đẩy các giao dịch quyền sở hữu trí tuệ nhằm tăng cường hiệu quả khai thác, thương mại hóa các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ; thí điểm hỗ trợ định giá ít nhất 03 quyền sở hữu trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

d) Nâng cao rõ rệt hiệu lực, hiệu quả bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, giảm đáng kể tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là trên môi trường số.

đ) Các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể khác không quy định tại Kế hoạch này thực hiện theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ

a) Tổ chức quán triệt sâu rộng Kết luận số 51-KL/TW và Kế hoạch này; đưa nhiệm vụ sở hữu trí tuệ vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển ngành, lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị, địa phương; gắn trách nhiệm người đứng đầu với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện.

b) Đổi mới nội dung, đa dạng hóa phương thức truyền thông, phổ biến pháp luật theo từng nhóm đối tượng; xây dựng văn hóa tôn trọng sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng tài sản trí tuệ hợp pháp; không sử dụng phần mềm, tác phẩm, nội dung số vi phạm bản quyền; không sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ hoặc tiếp tay cho hàng giả, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

c) Kịp thời biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong sáng tạo, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; nhân rộng các mô hình hiệu quả trong toàn tỉnh.

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ

a) Rà soát, hoàn thiện theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, quy trình quản lý và phối hợp liên ngành; kịp thời phát hiện, tháo gỡ điểm nghẽn trong tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; tổng hợp, kiến nghị Trung ương xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền, nhất là những vấn đề phát sinh từ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tài sản số, công nghệ sinh học, thương mại điện tử và không gian mạng.

b) Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; bảo đảm hỗ trợ đúng đối tượng, đúng điều kiện, công khai, minh bạch, không trùng lặp; gắn hỗ trợ của Nhà nước với trách nhiệm đối ứng, duy trì, quản trị, khai thác và bảo vệ kết quả sau hỗ trợ.

c) Phân định rõ chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm quản lý đối với quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan và quyền đối với giống cây trồng; thiết lập cơ chế điều phối thống nhất, đầu mối rõ ràng, quy trình phối hợp thông suốt trong tiếp nhận, xử lý nhiệm vụ và vụ việc liên ngành.

d) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, dữ liệu và công cụ theo dõi, đánh giá về sở hữu trí tuệ; gắn kết quả thực hiện với Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đánh giá trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu.

3. Thúc đẩy sáng tạo, tạo lập và xác lập quyền sở hữu trí tuệ

a) Chủ động phát hiện, sàng lọc, đánh giá khả năng bảo hộ đối với kết quả nghiên cứu, sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, kiểu dáng sản phẩm, dấu hiệu thương mại, tác phẩm, phần mềm máy tính, cơ sở dữ liệu, nội dung số, giống cây trồng, nguồn gen, tri thức truyền thống và tài sản sáng tạo của cộng đồng; lựa chọn hình thức bảo hộ phù hợp với từng loại tài sản trí tuệ theo quy định.

b) Đưa yêu cầu nhận diện, đánh giá khả năng bảo hộ, quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ vào toàn bộ vòng đời nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh, từ đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn, giao trực tiếp đến nghiệm thu, chuyển giao, ứng dụng và nhân rộng kết quả.

c) Nâng cao chất lượng tư vấn, tra cứu và lập hồ sơ xác lập quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ trong nước và nước ngoài đối với tài sản trí tuệ có giá trị, tiềm năng thương mại hóa, xuất khẩu hoặc nguy cơ bị chiếm đoạt quyền; ưu tiên công nghệ chiến lược, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm OCOP, chè, giống cây trồng, sản phẩm văn hóa, du lịch, phần mềm và nội dung số.

4. Nâng cao năng lực quản trị, khai thác, thương mại hóa và phát triển thị trường tài sản trí tuệ

a) Lấy tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm; hỗ trợ nhận diện, kiểm kê, phân loại, số hóa và quản lý danh mục tài sản trí tuệ; xây dựng chiến lược, quy chế nội bộ và cơ chế bảo vệ bí mật kinh doanh, dữ liệu, công nghệ, kết quả nghiên cứu.

b) Thúc đẩy định giá, hạch toán, chuyển giao, chuyển nhượng, li-xăng, nhượng quyền, góp vốn và các giao dịch bằng quyền sở hữu trí tuệ; thí điểm hỗ trợ định giá ít nhất 03 quyền sở hữu trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Ưu tiên thương mại hóa sáng chế, giải pháp hữu ích và quyền đối với giống cây trồng; tăng cường kết nối giữa cơ sở giáo dục đại học, tổ chức nghiên cứu, chủ thể sáng tạo với doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, sàn giao dịch công nghệ và thị trường; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ.

d) Phát triển mạng lưới tổ chức trung gian, chuyên gia và dịch vụ sở hữu trí tuệ chuyên nghiệp; chuẩn hóa tiêu chí lựa chọn, đặt hàng, thuê tư vấn, đánh giá và nghiệm thu sản phẩm theo chất lượng đầu ra, hiệu quả xác lập quyền và khả năng khai thác, thương mại hóa sau hỗ trợ.

5. Phát triển tài sản trí tuệ gắn với ngành, lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm chủ lực và thị trường quốc tế

a) Chuẩn hóa mô hình quản trị, quy chế sử dụng, cơ chế cấp và thu hồi quyền sử dụng, hệ thống kiểm soát nguồn gốc, chất lượng và giám sát thị trường

đối với chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và tài sản trí tuệ cộng đồng; gắn sở hữu trí tuệ với tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc, xúc tiến thương mại và phát triển chuỗi giá trị.

b) Ưu tiên quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm chè của tỉnh; hỗ trợ đăng ký, gia hạn, mở rộng bảo hộ, quảng bá và phát triển thương hiệu tại thị trường nước ngoài.

c) Phát triển ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan; khuyến khích sáng tạo, sản xuất, phổ biến và khai thác hợp pháp các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, du lịch, truyền thông, phần mềm, cơ sở dữ liệu và nội dung số có giá trị gia tăng cao.

d) Tăng cường bảo hộ quyền đối với giống cây trồng; bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, văn hóa dân gian và tài sản sáng tạo của cộng đồng; bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền, người nông dân, cộng đồng địa phương và xã hội.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số và quản trị tài sản trí tuệ dựa trên dữ liệu

a) Xây dựng, chuẩn hóa, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống liên quan theo thẩm quyền; phát triển công cụ tra cứu, phân tích, bản đồ sáng chế, bản đồ tài sản trí tuệ phục vụ quản lý và ra quyết định.

b) Tích hợp dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền sở hữu trí tuệ với dữ liệu tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP, thương mại điện tử và kết quả kiểm tra; từng bước hình thành hồ sơ số, định danh số, hộ chiếu số sản phẩm và công cụ nhận diện, xác thực, cảnh báo, chống giả.

c) Ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số trong phân tích rủi ro, giám sát thị trường, phát hiện, cảnh báo và truy vết hành vi xâm phạm quyền trên môi trường số; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả bảo vệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ

a) Duy trì cơ chế chỉ đạo, phối hợp liên ngành thống nhất; tổ chức kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở dữ liệu và đánh giá rủi ro, tập trung vào hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả, quyền liên quan, quyền đối với giống cây trồng và vi phạm trên môi trường số.

b) Chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại, xác minh, kiểm tra, xử lý hoặc chuyển xử lý, khắc phục hậu quả, phản hồi và cập nhật dữ liệu vụ việc; bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng trình tự, kịp thời, không chồng chéo, không bỏ lọt hành vi vi phạm; không hành chính hóa vụ việc có dấu hiệu tội phạm.

c) Nâng cao năng lực của cơ quan thực thi và chính quyền cấp xã; tăng cường phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan tư pháp, lực lượng thực thi, chủ thể quyền, tổ chức cung cấp dịch vụ trung gian và nền tảng số trong ngăn chặn, gỡ bỏ và xử lý hành vi xâm phạm quyền.

d) Rà soát, kiểm kê, chuẩn hóa việc quản lý và sử dụng phần mềm, cơ sở dữ liệu, tác phẩm, nội dung số tại cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp; bảo đảm có quyền sử dụng hợp pháp, hồ sơ quản lý và cơ chế phòng ngừa vi phạm.

đ) Hỗ trợ chủ thể quyền xây dựng hồ sơ quyền, cơ chế giám sát thị trường, quy trình thu thập và bảo quản chứng cứ điện tử, phương án ứng phó và tự bảo vệ quyền; khuyến khích giải quyết tranh chấp bằng thương lượng, hòa giải, trọng tài và biện pháp dân sự theo quy định của pháp luật.

8. Phát triển nguồn nhân lực và giáo dục sở hữu trí tuệ

a) Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, lực lượng thực thi, đầu mối sở hữu trí tuệ, quản trị viên tài sản trí tuệ, chuyên gia và tư vấn viên có chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành, đáp ứng yêu cầu quản trị, định giá, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ trong kinh tế số.

b) Lồng ghép kiến thức sở hữu trí tuệ vào giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và quản trị kinh doanh; xây dựng văn hóa tôn trọng sáng tạo, liêm chính học thuật, phòng ngừa đạo văn và sử dụng trái phép tác phẩm, phần mềm, dữ liệu.

c) Xây dựng chương trình, học liệu và mô hình đào tạo, bồi dưỡng sở hữu trí tuệ theo chuẩn năng lực, phù hợp từng nhóm đối tượng; gắn kiến thức pháp lý với kỹ năng tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ, bảo đảm kết quả đầu ra thực chất, đo lường được.

9. Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế và bảo đảm an ninh tài sản trí tuệ

a) Mở rộng hợp tác với cơ quan Trung ương, địa phương, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức quốc tế và chuyên gia; huy động nguồn lực, tri thức, công nghệ và mô hình tiên tiến để nâng cao năng lực hệ sinh thái sở hữu trí tuệ của tỉnh.

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đăng ký, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; nâng cao năng lực phòng ngừa, xử lý tranh chấp, chiếm đoạt quyền và xâm phạm quyền xuyên biên giới.

c) Tăng cường bảo vệ công nghệ lõi, dữ liệu chiến lược, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ quan trọng; chuẩn hóa điều khoản về quyền sở hữu trí tuệ, bảo mật, chuyển giao, sử dụng dữ liệu và phân chia lợi ích trong nhiệm vụ, dự án, hợp đồng hợp tác, nhất là hợp tác có yếu tố nước ngoài.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí, lồng ghép trong kinh phí thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; các chương trình, đề án, kế hoạch, nhiệm vụ có liên quan và dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước, bảo đảm không trùng lặp nhiệm vụ, nội dung chi, đối tượng hỗ trợ và nguồn kinh phí.

2. Nguồn kinh phí thực hiện gồm ngân sách nhà nước; nguồn đối ứng, đóng góp của tổ chức, doanh nghiệp; tài trợ, viện trợ, hợp tác công - tư, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội; gắn hỗ trợ của Nhà nước với trách nhiệm đối ứng, duy trì, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ sau hỗ trợ.

3. Căn cứ nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lập dự toán, đề xuất bố trí và lồng ghép kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm. Việc lập, phân bổ, giao, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, thường trực tổ chức thực hiện Kế hoạch; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, sơ kết, tổng kết và báo cáo kết quả thực hiện.

b) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp; chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác và bảo vệ quyền đối với giống cây trồng theo quy định.

b) Chủ trì bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn gen thuộc lĩnh vực nông nghiệp; phối hợp nhận diện, tư liệu hoá, bảo tồn, quản lý, khai thác và bảo vệ tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật gắn với sản xuất nông nghiệp.

c) Phối hợp xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể gắn với sản phẩm nông, lâm, thủy sản và sản phẩm OCOP; bảo đảm đồng bộ với quản lý giống, vùng nguyên liệu, quy trình kỹ thuật, chất lượng, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc và phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan; hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký, quản lý, khai thác và bảo vệ quyền; kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi xâm phạm quyền theo quy định, nhất là trên môi trường số.

b) Chủ trì triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan; phối hợp nhận diện, tư liệu hóa, bảo tồn, quản lý, khai thác và bảo vệ tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian, tri thức truyền thống và tài sản sáng tạo của cộng đồng thuộc phạm vi quản lý.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sở hữu trí tuệ; xây dựng văn hoá tôn trọng sáng tạo và sử dụng hợp pháp tài sản trí tuệ.

4. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật

5. Sở Công Thương

a) Chủ trì triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển thị trường, xúc tiến thương mại và thương mại điện tử đối với sản phẩm, dịch vụ gắn với tài sản trí tuệ của tỉnh tại thị trường trong nước và nước ngoài.

b) Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường; phát hiện, xử lý theo thẩm quyền hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan, tập trung tại địa bàn, tuyến, lĩnh vực trọng điểm và trên môi trường thương mại điện tử, mạng xã hội, nền tảng số.

c) Chủ trì, phối hợp xác định và phát triển một số ngành công nghiệp có mức độ sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cao, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh; hỗ trợ kết nối, đưa sản phẩm, công nghệ gắn với tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa vào hệ thống phân phối, chuỗi cung ứng và thị trường.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì hướng dẫn lồng ghép kiến thức, kỹ năng về sở hữu trí tuệ vào nội dung và hoạt động giáo dục phù hợp tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; gắn với giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường liên chính học thuật, phòng ngừa đạo văn, xâm phạm quyền tác giả và sử dụng trái phép phần mềm, dữ liệu.

b) Hướng dẫn xây dựng học liệu, triển khai mô hình giáo dục sở hữu trí tuệ; khuyến khích các cơ sở giáo dục nhận diện, đánh giá khả năng bảo hộ, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ hình thành từ hoạt động dạy, học, nghiên cứu và sáng tạo của nhà giáo, người học theo quy định.

7. Sở Tư pháp

Chủ trì, phối hợp theo chức năng, thẩm quyền trong việc thẩm định, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến sở hữu trí tuệ; theo dõi tình hình thi hành, phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý về sở hữu trí tuệ; tham mưu thảo gỡ hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý khó khăn, vướng mắc pháp lý.

8. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp tham mưu lồng ghép, tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức trách và yêu cầu nhiệm vụ.

b) Chủ trì hướng dẫn và phối hợp tham mưu cấp có thẩm quyền kịp thời biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ; chú trọng phát hiện, tôn vinh và nhân rộng mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả.

9. Các sở, ban, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về sở hữu trí tuệ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; lồng ghép vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; bố trí đầu mối, nguồn lực, cập nhật dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Chủ động nhận diện, quản lý, khai thác và bảo vệ tài sản trí tuệ hình thành trong hoạt động của cơ quan, đơn vị và gắn với ngành, lĩnh vực quản lý; phối hợp phát hiện, kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm theo chức năng, thẩm quyền.

10. Công an tỉnh

a) Chủ trì nắm tình hình, phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm, hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến sở hữu trí tuệ theo chức năng, thẩm quyền; tập trung vào hành vi có tổ chức, quy mô lớn, xuyên biên giới và trên không gian mạng.

b) Chủ trì tham mưu, phối hợp triển khai các biện pháp bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh mạng; phòng ngừa, phát hiện và xử lý nguy cơ, hành vi chiếm đoạt, sử dụng, tiết lộ hoặc chuyển giao trái phép công nghệ lõi, dữ liệu chiến lược, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ quan trọng trong hoạt động nghiên cứu, đầu tư, hợp tác và chuyển giao công nghệ theo chức năng, thẩm quyền.

11. Đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

a) Tăng cường thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử các vụ án xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo đảm xử lý kịp thời, nghiêm minh, đúng pháp luật.

b) Phối hợp trao đổi thông tin, nghiệp vụ; tổng kết thực tiễn công tố, kiểm sát; kiến nghị phòng ngừa vi phạm, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

12. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh

a) Nâng cao chất lượng, tiến độ giải quyết, xét xử các vụ án hình sự, vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại và vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định nhằm kịp thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tăng cường trao đổi nghiệp vụ, tổng kết thực tiễn xét xử; kiến nghị tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật và nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp tư pháp.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; khai thác, sử dụng hợp pháp tài sản trí tuệ; không sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ hoặc tiếp tay cho hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; góp phần hình thành và phát triển văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội.

b) Phối hợp hỗ trợ đoàn viên, hội viên, tổ chức, cá nhân và cộng đồng nhận diện, tạo lập, quản lý, khai thác, phát triển tài sản trí tuệ và tự bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; tham gia giám sát, phản biện xã hội, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách và nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả về sở hữu trí tuệ.

14. Báo và Phát thanh, Truyền hình Thái Nguyên; Trung tâm Thông tin tỉnh

Chủ động xây dựng chuyên trang, chuyên mục, tin, bài và sản phẩm truyền thông đa nền tảng về sở hữu trí tuệ; tuyên truyền chính xác, kịp thời chính sách, pháp luật, mô hình hiệu quả, điển hình sáng tạo và tài sản trí tuệ tiêu biểu; phổ biến kỹ năng nhận diện, phòng ngừa hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan; góp phần hình thành văn hóa tôn trọng sáng tạo, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, khai thác và sử dụng hợp pháp tài sản trí tuệ trong xã hội.

15. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Đưa nhiệm vụ quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chương trình công tác hằng năm của địa phương; bố trí đầu mối, nguồn lực và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện trên địa bàn; cập nhật dữ liệu và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

b) Rà soát, nhận diện sản phẩm chủ lực, đặc trưng, đặc sản, giống cây trồng, nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật, giá trị văn hóa và các kết quả sáng tạo của cộng đồng có tiềm năng hình thành tài sản trí tuệ; phối hợp hỗ trợ tổ chức, cá nhân và cộng đồng tạo lập, bảo hộ, quản lý, khai thác, phát triển và bảo vệ tài sản trí tuệ theo quy định.

c) Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và vận động tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân tôn trọng, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; không sản xuất, kinh doanh, quảng cáo, chào bán, tàng trữ, vận chuyển, tiêu thụ hoặc tiếp tay cho việc lưu thông hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; chủ động phát hiện, phản ánh và cung cấp kịp thời thông tin về hành vi vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác minh, xử lý theo quy định.

d) Chủ động rà soát, nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh và nguy cơ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn; tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về sở hữu công nghiệp theo thẩm quyền; phối hợp với các cơ quan, lực lượng chức năng phát hiện, xác minh, ngăn chặn, lập hồ sơ, xử lý hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; bảo đảm việc xử lý đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, kịp thời, nghiêm minh, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp, kéo dài.

16. Đề nghị Đại học Thái Nguyên

a) Hoàn thiện cơ chế quản trị tài sản trí tuệ; tổ chức nhận diện, xác lập quyền, quản lý, định giá, chuyển giao và thương mại hóa tài sản trí tuệ; xác định rõ quyền sở hữu, quyền của tác giả và cơ chế phân chia lợi ích công khai, minh bạch.

b) Phát triển hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp gắn với sở hữu trí tuệ; lồng ghép kiến thức, kỹ năng về sở hữu trí tuệ vào chương trình đào tạo; thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo dựa trên tài sản trí tuệ; bảo đảm liên chính học thuật và tuân thủ pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

c) Phối hợp huy động nguồn lực chuyên gia, hạ tầng, dữ liệu và kết quả nghiên cứu phục vụ thực hiện Kế hoạch; tăng cường liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp, kết nối với nhà đầu tư và thị trường; thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

17. Đề nghị các hội, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng; tổ chức trung gian, tổ chức dịch vụ sở hữu trí tuệ; các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan

a) Các hội, hiệp hội tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ hội viên nhận diện, tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và bảo vệ tài sản trí tuệ; tổng hợp, phản ánh khó khăn, kiến nghị hoàn thiện chính sách và tham gia giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

b) Các tổ chức trung gian, tổ chức dịch vụ sở hữu trí tuệ cung cấp dịch vụ theo đúng chức năng, phạm vi hoạt động và quy định của pháp luật; bảo đảm chất lượng chuyên môn, tính trung thực, chính xác, bảo mật thông tin và chịu trách nhiệm về kết quả cung cấp dịch vụ.

c) Các tổ chức, doanh nghiệp chủ động bố trí nguồn lực, xây dựng và thực hiện chiến lược sở hữu trí tuệ gắn với hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, sản xuất, kinh doanh; tổ chức nhận diện, tạo lập, xác lập quyền, quản trị, khai thác, thương mại hóa và tự bảo vệ tài sản trí tuệ; thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối ứng, cung cấp thông tin, duy trì và phát huy kết quả sau hỗ trợ.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 17/6/2026 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác sở hữu trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, lĩnh vực và địa bàn quản lý, chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực, lồng ghép nhiệm vụ và tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả. Định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong quá trình thực hiện, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Đại học Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường;
- Các hội, hiệp hội doanh nghiệp;
- Các tổ chức, doanh nghiệp;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- LĐVP UBND tỉnh: đ/c Tuấn;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

Thaidh/KH26

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 51-KL/TW NGÀY 17/6/2026
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC SỞ HỮU TRÍ TUỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
TRONG TÌNH HÌNH MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	Xây dựng kế hoạch hằng năm; rà soát, đề xuất, phê duyệt và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuộc Chương trình; triển khai chính sách hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ; theo dõi, kiểm tra, đánh giá và kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp	Kế hoạch, danh mục nhiệm vụ hằng năm; các nhiệm vụ, dự án được phê duyệt, tổ chức thực hiện; các mục tiêu, chỉ tiêu và sản phẩm của Chương trình được hoàn thành; báo cáo hằng năm, sơ kết năm 2028, tổng kết năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030; thực hiện hằng năm
2	Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống theo dõi, đánh giá về sở hữu trí tuệ	Rà soát cơ chế, chính sách, quy trình quản lý, phân công trách nhiệm và điểm nghẽn trong tạo lập, xác lập quyền,	Báo cáo rà soát, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách; quy trình quản lý, phối hợp liên ngành được chuẩn hóa;	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp	Hoàn thiện cơ bản trong giai đoạn 2026 - 2027; cập nhật hằng năm

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		quản trị, khai thác, thương mại hóa, bảo vệ tài sản trí tuệ; xây dựng hệ thống chỉ tiêu theo dõi, đánh giá gắn với Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội	bộ chỉ tiêu và công cụ theo dõi, đánh giá; báo cáo kết quả thực hiện hằng năm		có liên quan	
3	Xây dựng, chuẩn hóa, kết nối và khai thác dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh	Xây dựng cơ sở dữ liệu số; chuẩn hóa, cập nhật, kết nối dữ liệu về tình trạng pháp lý quyền sở hữu trí tuệ với dữ liệu khoa học, công nghệ, tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc, sản phẩm OCOP, thương mại điện tử và kết quả kiểm tra; phát triển công cụ tra cứu, phân tích, bản đồ và cảnh báo	Cơ sở dữ liệu số về tài sản trí tuệ của tỉnh; tối thiểu 05 nhóm dữ liệu trọng tâm được số hóa, cập nhật, khai thác; công cụ tra cứu, phân tích, bản đồ tài sản trí tuệ và cảnh báo; quy chế quản trị, kết nối, chia sẻ và bảo vệ dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Xây dựng, kết nối giai đoạn 2026 - 2028; duy trì, cập nhật đến năm 2030
4	Quản trị tài sản trí tuệ trong	Đưa yêu cầu nhận diện,	Bộ tiêu chí, biểu mẫu	Sở Khoa học	Các cơ quan,	2026 - 2030;

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước	đánh giá khả năng bảo hộ, xác định quyền sở hữu, quyền của tác giả, quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ vào toàn bộ vòng đời nhiệm vụ; gắn nghiệm thu với xác lập quyền, chuyển giao, ứng dụng và nhân rộng kết quả	và quy trình quản trị tài sản trí tuệ; 100% nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được rà soát, đánh giá khả năng hình thành tài sản trí tuệ ngay từ khâu đề xuất, đặt hàng, tuyển chọn hoặc giao trực tiếp; các nhiệm vụ có khả năng hình thành tài sản trí tuệ phải xác định phương án quản trị, bảo hộ, khai thác và thương mại hóa phù hợp	và Công nghệ	đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	thực hiện thường xuyên
5	Nâng cao năng lực quản trị tài sản trí tuệ trong tổ chức, doanh nghiệp; phát triển thị trường và giao dịch quyền sở hữu trí tuệ	Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp xây dựng chiến lược, quy chế và danh mục tài sản trí tuệ; thực hiện kiểm kê, bảo mật, định giá, hạch toán, chuyển giao, chuyển	Mô hình quản trị tài sản trí tuệ trong tổ chức, doanh nghiệp; tối thiểu 03 tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa được lựa chọn, hỗ trợ định giá; các hợp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		nhượng, li-xăng, nhượng quyền, góp vốn và các giao dịch quyền sở hữu trí tuệ; kết nối chủ thể quyền với doanh nghiệp, nhà đầu tư, tổ chức tài chính, sàn giao dịch công nghệ và thị trường	đồng, giao dịch, dự án chuyển giao, li-xăng, góp vốn, thương mại hóa; số lượng tổ chức, doanh nghiệp sử dụng hiệu quả công cụ sở hữu trí tuệ gia tăng rõ rệt			
6	Quản lý, bảo hộ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ đối với chè, sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP và tài sản trí tuệ cộng đồng	Rà soát, lựa chọn tài sản trí tuệ ưu tiên; hỗ trợ đăng ký, gia hạn, mở rộng bảo hộ trong nước và nước ngoài; chuẩn hóa mô hình quản trị, quy chế sử dụng, cơ chế cấp và thu hồi quyền sử dụng, kiểm soát nguồn gốc, chất lượng và giám sát thị trường; ưu tiên quyền sở hữu trí tuệ gắn với các sản phẩm chè của tỉnh	Danh mục, lộ trình phát triển tài sản trí tuệ ưu tiên; hồ sơ đăng ký, gia hạn, mở rộng bảo hộ; mô hình quản trị, kiểm soát chất lượng và giám sát thị trường được chuẩn hóa; sản phẩm được tích hợp truy xuất nguồn gốc, định danh số, nhận diện, xác thực và chống giả; kết quả bảo hộ, khai thác và phát triển thương hiệu tại thị trường nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
7	Xác định và phát triển các ngành công nghiệp có mức độ sử dụng quyền sở hữu trí tuệ cao	Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí, phương pháp nhận diện; đánh giá hiện trạng, lựa chọn một số ngành có tiềm năng, lợi thế; thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, bảo hộ, quản trị, ứng dụng và thương mại hóa tài sản trí tuệ; hỗ trợ phát triển sản phẩm, công nghệ, dịch vụ, doanh nghiệp và chuỗi giá trị có hàm lượng sở hữu trí tuệ cao; mở rộng thị trường trong nước và quốc tế	Bộ tiêu chí, phương pháp nhận diện; báo cáo đánh giá hiện trạng và danh mục ngành ưu tiên; kế hoạch hoặc chương trình phát triển các ngành được lựa chọn; mô hình, dự án, sản phẩm, công nghệ và doanh nghiệp tiêu biểu; bộ chỉ tiêu và báo cáo theo dõi đóng góp của các ngành vào tăng trưởng, GRDP và năng lực cạnh tranh của tỉnh	Sở Công Thương	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	Nghiên cứu, lựa chọn trong giai đoạn 2026 - 2027; triển khai đến năm 2030
8	Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa dựa trên quyền tác giả, quyền liên quan	Nhận diện, tư liệu hóa, bảo hộ, quản lý và khai thác hợp pháp tác phẩm, chương trình máy tính, cơ sở dữ liệu, nội dung số, tác phẩm	Chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp văn hóa; danh mục, cơ sở dữ liệu tài sản sáng tạo; sản phẩm, dịch vụ và mô	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		văn học, nghệ thuật dân gian và tài sản sáng tạo của cộng đồng; phát triển sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, du lịch, truyền thông, phần mềm và nội dung số có giá trị gia tăng cao	hình khai thác quyền tác giả, quyền liên quan; hệ thống chỉ tiêu, báo cáo theo dõi doanh thu và đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa vào GRDP của tỉnh			
9	Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng; bảo tồn, quản lý và khai thác bền vững nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp	Rà soát, tư liệu hóa và xây dựng dữ liệu; hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, khai thác quyền đối với giống cây trồng; bảo tồn, khai thác bền vững nguồn gen, tri thức truyền thống, bí quyết kỹ thuật gắn với sản xuất nông nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền, người dân và cộng đồng	Danh mục, cơ sở dữ liệu giống cây trồng, nguồn gen, tri thức truyền thống và bí quyết kỹ thuật; hồ sơ đăng ký bảo hộ; mô hình bảo tồn, quản lý, khai thác gắn với chuỗi giá trị; số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng giai đoạn 2026 - 2030 tăng tối thiểu 10% so với giai đoạn trước; ít nhất 01 giống cây trồng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
			được khai thác quyền ở nước ngoài			
10	Chuẩn hóa và vận hành cơ chế phối hợp bảo vệ, thực thi quyền sở hữu trí tuệ	Chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, phân loại, xác minh, kiểm tra, xử lý, chuyển xử lý, phản hồi và cập nhật dữ liệu vụ việc; kiểm tra trên cơ sở dữ liệu và đánh giá rủi ro; tăng cường thực thi quyền tại cấp xã và trên môi trường số; nâng cao năng lực thu thập, bảo quản chứng cứ điện tử và tự bảo vệ quyền	Cơ chế, quy trình phối hợp liên ngành; hệ thống đầu mối và cơ sở dữ liệu vụ việc; kế hoạch, báo cáo kiểm tra hằng năm; tài liệu, hoạt động bồi dưỡng cho lực lượng thực thi và cấp xã; hành vi vi phạm được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, không để hình thành điểm nóng, vụ việc phức tạp, kéo dài	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030; thực hiện thường xuyên
11	Phát triển nguồn nhân lực, giáo dục sở hữu trí tuệ và văn hóa tôn trọng sáng tạo	Xây dựng chương trình, học liệu, mô hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp từng nhóm đối tượng; lồng ghép kiến thức, kỹ năng sở hữu trí tuệ vào giáo dục STEM, nghiên cứu	Chương trình, tài liệu, học liệu và mô hình đào tạo, giáo dục sở hữu trí tuệ; tối thiểu 80% cơ sở giáo dục tổ chức hoặc lồng ghép hoạt động giáo dục, trải nghiệm về sở hữu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030; thực hiện hằng năm

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; tăng cường liên chính học thuật	trí tuệ			
12	Xây dựng mô hình quản trị, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ trong Đại học Thái Nguyên; tăng cường liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp	Hoàn thiện cơ chế quản trị tài sản trí tuệ; xác định quyền sở hữu, quyền của tác giả và phân chia lợi ích; nhận diện, xác lập quyền, định giá, chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu; phát triển đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp dựa trên tài sản trí tuệ; kết nối doanh nghiệp, nhà đầu tư và thị trường	Quy định nội bộ về quản trị tài sản trí tuệ; danh mục, cơ sở dữ liệu tài sản trí tuệ và kết quả nghiên cứu; dự án, hợp đồng ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa; doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; mô hình liên kết Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp được thiết lập, vận hành	Đại học Thái Nguyên	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	2026 - 2030
13	Tăng cường hợp tác, hội nhập quốc tế và bảo đảm an ninh tài sản trí tuệ	Mở rộng hợp tác với cơ quan Trung ương, địa phương, cơ sở giáo dục đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ	Chương trình, thỏa thuận và hoạt động hợp tác; mạng lưới chuyên gia, đối tác trong nước, quốc tế; hồ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp	2026 - 2030

TT	Danh mục nhiệm vụ	Nội dung trọng tâm	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		chức quốc tế và chuyên gia; hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp bảo hộ, khai thác, bảo vệ quyền ở nước ngoài, phòng ngừa tranh chấp và chiếm đoạt quyền; bảo vệ công nghệ lõi, dữ liệu chiến lược, bí mật kinh doanh, kết quả nghiên cứu và tài sản trí tuệ quan trọng trong đầu tư, hợp tác, chuyển giao công nghệ	sơ, kết quả bảo hộ và khai thác quyền ở nước ngoài; mẫu điều khoản về quyền sở hữu trí tuệ, bảo mật, sử dụng dữ liệu, chuyển giao và phân chia lợi ích; phương án phòng ngừa, bảo vệ tài sản trí tuệ quan trọng		có liên quan	

Ghi chú:

1. Các mục tiêu, chỉ tiêu và sản phẩm cụ thể thuộc nhiệm vụ số 1 thực hiện theo Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; không hình thành hệ thống nhiệm vụ, chỉ tiêu và chế độ báo cáo trùng lặp.
2. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm cụ thể hóa nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; xác định tiến độ, chỉ tiêu, sản phẩm đầu ra và tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền.
3. Việc điều chỉnh nội dung, tiến độ, sản phẩm hoặc cơ quan phối hợp thực hiện theo yêu cầu thực tiễn, nhưng phải bảo đảm mục tiêu, phạm vi, sản phẩm và kết quả chủ yếu của Kế hoạch.